

Kinh sách võ cử

Từ khi dựng nước và để đối phó với sự xâm lăng của nước Trung Hoa người Việt đã phải đấu tranh không ngừng trong việc ôn văn, luyện võ, trước là trị nước yên dân, sau là chống lại với sự xâm lăng của phương Bắc và để mở mang bờ cõi về phương Nam.

Trong lịch sử Việt Nam, võ học đã đóng một vai trò rất quan trọng, trong vận mạng của đất nước. Những danh tướng, phần lớn đều xuất thân từ giới võ học, đã đem tài thao lược võ dũng và võ trí để góp công vào cuộc lập quốc và kiến quốc.

Thế nước có lúc thái bình, lúc loạn lạc, khi mạnh khi yếu, khi đi mở mang bờ cõi, lúc bị xâm lăng thì cả văn lẫn võ phải được xem trọng như nhau. Lúc thái bình thì những kế hoạch tế thế an dân của văn quan mới có thể thi hành được. Định thái bình là nhiệm vụ của các võ tướng là những người giữ gìn bờ cõi, dẹp trừ giặc giã để giữ an ninh trật tự cho dân yên ổn làm ăn. Cho nên người Việt trọng văn võ như nhau.

Lịch sử đã chứng minh trong thời loạn lạc thì văn võ hỗ trợ lẫn nhau: văn của Trần Hưng Đạo phải có võ của Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão ... văn của Nguyễn Trãi phải có võ của Lê Lai, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Xí... võ của Quang Trung phải có văn của Ngô Thời Nhiệm...

Từ thời dựng nước của các vua Hùng thì vấn đề trị an và chống xâm lăng đều phải dựa vào sức mạnh của binh bị và quân đội.

Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, vua Đinh Tiên Hoàng một mặt đã chấn chỉnh binh bị để tạo ra một đạo quân hùng mạnh có khả năng trị an dẹp loạn. Sử chép thời đó nhà vua có 10 đạo quân (khoảng 1 triệu người?) và phong cho Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân để quản lý.

Các triều đại kế tiếp đều tổ chức chặt chẽ các hệ thống huấn luyện binh bị, tuyển lựa và phân hạng binh lính và chiến tướng, lập ra các loại quân binh thủy tượng, tân tạo vũ khí, nghệ thuật chỉ huy, binh pháp, chiến trận... và có binh lực rất mạnh như thời Lê Đại Hành, nhà Lý, nhà Trần, nhà hậu Lê, nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn...

Binh bị lấy võ nghệ làm đầu.

Các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần chỉ nói đến việc huấn luyện quân sĩ, đặt sở mộ binh, chọn người khỏe mạnh sung vào quân đội, cũng có thi võ nhưng chưa tổ chức khoa thi.

Việc thi võ, luyện võ theo chương trình học tập, cũng có từ thời Lý. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* [1] có ghi: “Năm 1170, Vua tập bắn và cưỡi ngựa ở phía Nam thành Đại La, đặt tên là Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép công chiến, phá trận”. Như vậy, Xạ Đình là nơi học và luyện võ của vương triều Lý, có thể nói, đó là Nhà võ học đầu tiên của nước Nam. Vua đã cho khảo về võ kinh và điều hành, có lẽ, đây là cuộc thi khảo võ cử đầu tiên trong lịch sử.

Việc tuyển chọn những người giỏi võ và có tài thao lược để ra cầm quân giúp nước đã có từ thời Trần và được sử sách ghi rõ. Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 10 (1241) đời Trần Thái Tông đã cho tuyển chọn người khỏe mạnh biết võ nghệ sung làm quân Thượng đô Túc vệ. Việc tiến cử đề bạt quan võ là dựa vào công trạng, thành

tích và dòng dõi chứ không phải qua thi cử. Các quan võ giữ trọng trách trong triều đình phần nhiều là những người thuộc hoàng tộc .

Năm 1253, nhà Trần cho lập Giảng Võ đường làm nơi dạy dỗ, huấn luyện dành riêng cho con cháu trong hoàng tộc để trở thành võ quan của triều đình. Trần Hưng Đạo đã soạn ra sách *Binh thư yếu lược* và *Vạn kiếp bí truyền thư* để dạy dỗ, huấn luyện binh pháp cho các tướng sĩ. Những sách này có thể được coi là những sách giáo khoa về quân sự đầu tiên được một danh tướng biên soạn công phu và đầy đủ theo tiêu chuẩn thời đó.

Sang thời Lê sơ năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) đã có sắc lệnh về khảo thí Võ kinh ở Đông Kinh. Triều Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 9 (1478) định kì thi Đô thí về Võ ban ở Kinh đô, từ đó thành lệ nhưng vẫn chưa quan phương như khoa cử văn ban được.

Năm 1721thời vua Lê Dụ Tông, trường dạy võ đầu tiên đã được lập ra tại kinh đô Thăng Long lấy tên là Võ Học Sở, đồng thời còn đặt ra chức giáo thụ để chuyên lo việc dạy dỗ, huấn luyện các môn võ nghệ, học binh thư, binh pháp.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục [2] chép: đời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái năm thứ 4 (1723), chúa Trịnh Cương định lệ tổ chức kỳ thi võ đầu tiên, gọi là thi bác cử, năm sau cho tiến hành. Triều đình quy định 3 năm một lần, vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì thi ở các trấn, gọi là *sở cử*, 4 năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi hội ở kinh đô gọi là *bác cử*.

Trịnh Cương rước nhà vua thân đến xét duyệt khoa thi đầu tiên này.

Lê Quý Đôn viết Trong *Kiến văn tiểu lục* [3] về cuộc thi võ này: "...Chúa Thượng ngự ra Sở Võ học, sai quan trường dẫn 82 người được lấy trúng về võ nghệ vào yết kiến. Ngày hôm sau thi bài văn sách, hỏi sáu, bảy câu hỏi về phương lược đánh trận, về địa hình, về bài thơ *Tu đạo bảo pháp*, lấy bọn Phạm Hữu Lan 14 người đỗ Cống sĩ (cử nhân võ)...".

Khoa đó lấy đỗ 11 người, đều được công nhận là tạo sĩ xuất thân, với Nguyễn Công Tự, người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa đứng đầu, ngoài ra thì cho đỗ tam trường. Đó là 11 võ tiến sĩ hay là *tạo sĩ* đầu tiên của nước ta.

Từ khoa thi đó về sau, cứ 3 năm một lần thi, chúa Trịnh đều tự chuyên quyền xét duyệt, không cần đến sự có mặt của vua Lê nữa.

Theo sách *Đại Việt sử ký tục biên* thì phép thi *sở cử* như sau: Trước hết hỏi sơ lược về võ kinh, sau đó, trong ba kỳ :kỳ nhất hỏi 10 câu trong bộ Võ kinh thất thư, kỳ nhì thi võ nghệ, kỳ ba thi văn sách hỏi về thao lược binh gia. Người nào trúng cách, gọi là viên sinh (tú tài võ) ; quan viên tử, quan viên tôn (con, cháu các quan) trúng cách, gọi là biên sinh .

Sau đó, đến thi về phương pháp mưu lược việc binh. Người nào trúng ngay ở kỳ này, gọi là học sinh ; quan viên tử, quan viên tôn trúng được, gọi là biên sinh hợp thức (cử nhân võ) .

Về phép thi bác cử, thì ở kỳ đệ nhất, sẽ hỏi sơ lược về ý nghĩa bảy bộ sách binh thư.

Ở kỳ đệ nhị, thi võ nghệ, kỳ đệ tam, hỏi sơ lược một bài văn sách. Người nào trúng tuyển được vào thi ở sân phủ Chúa, kỳ này người nào hợp cách được làm tạo sĩ (tiến sĩ võ). Nếu người nào trong hai kỳ đệ nhất, đệ nhị thi võ nghệ được tinh thông thành thạo, mà kỳ đệ tam bài văn sách không được hợp cách, thì chọn lấy người trội nhất gọi là tao toát, được cùng tạo sĩ bổ dụng như nhau.

Lê Quý Đôn ghi lại trong sách *Kiến văn tiểu lục*, thì năm Bảo Thái thứ 5 (1724) đặt trường thi bác cử ở sở Thịnh Quang (Đống Đa, Hà Nội) và cũng cho biết chi tiết kỳ thi, ở kỳ đệ nhất, hỏi mười câu về ý nghĩa trong bảy bộ sách binh thư kể trên.

Kỳ đệ nhị, thi hai tao võ nghệ: trước hết thi cưỡi ngựa múa đầu mâu, sau thi đấu siêu đao, lăn lá chắn và múa gươm giáo, căn cứ vào sự so độ được hay thua để định người hơn người kém, sau đó lại xét duyệt người nào có khí sắc hùng dũng được thăng lên một bậc, người nào kém phải tụt xuống một bậc. Đến kỳ đệ tam, thi văn sách hỏi cách thao luyện và phương lược về phép bày trận để đánh kẻ địch, giữ thành trì.

Năm 1740, nhà Lê còn cho xây dựng Võ Miếu làm nơi thờ phụng người có công trạng, bên cạnh việc thờ phụng những bậc binh gia lỗi lạc như Võ Thành Vương, Tôn Tử, Quảng Tử....

Thời nhà Nguyễn, triều đình tiếp tục duy trì việc tổ chức thi tuyển nhân tài võ học. Vua Minh Mạng tiếp tục củng cố nền khoa cử cho võ học.

Theo *Đại Nam thực lục*, sau khi lên ngôi, vua Minh Mạng ra chỉ dụ "điều cốt yếu của trị nước là cả văn lẫn võ, không thể riêng bỏ bên nào. Đặt ra Võ Miếu là việc nên làm... Huống chi bản triều từ ngày khai quốc đến trung hưng, công liệt rực rỡ, không kém người xưa, đáng biểu dương để khuyến khích nhân tài".

Người đạt học vị tiến sĩ võ thường phải vượt qua ba kỳ thi, đồng thời thông thạo các lý thuyết bài binh bố trận, cũng như nhuần nhuyễn về binh pháp.

Các thí sinh phải am hiểu tận tường bảy bộ binh thư gồm có Lục thao của Thái Công, Tam lược của Hoàng Thạch Công, Binh pháp Tôn Tử, Ngô Tử, Tư Mã, Uất Liêu Tử, vấn đáp của Đường thái tông- Lý Vệ Công.

Võ Kinh Thất Thư [4] là kết tinh nghệ thuật điều binh, khiển tướng, là tinh hoa của võ học qua những kinh nghiệm chiến tranh mà ngày nay vẫn còn nhắc đến. Bộ này gồm có 7 cuốn:

- 1- Lục Thao của Khương Thượng
- 2- Tam Lược của Huỳnh Thạch Công
- 3- Tôn Tử Binh Pháp... của Tôn Võ
- 4- Ngô Tử Binh Pháp của Ngô Khởi
- 5- Tư Mã Binh Pháp..... của Nhưông Tư
- 6- Uất Liểu Tử Binh Phápcủa Uất Liểu
- 7- Đường Thái Tông -Lý Vệ Công vấn đối.... của Lý Tịnh

1- *Lục Thao* hay *Thái công lục thao*, *Thái công binh pháp* là một tác phẩm binh

pháp đưa ra những lý luận có hệ thống về mưu lược dùng binh trong chiến tranh, tương truyền do Khương Tử Nha đầu đời nhà Chu sáng tác.

Khương Thượng, tự là Tử Nha dân gian gọi là Lã Vọng, là khai quốc công thần nhà Chu thế kỷ 12 trước Công nguyên và là vua khai lập nước Tề tồn tại từ thời Tây Chu đến thời Chiến Quốc.

Khương Tử Nha phò Chu Vũ Vương là vua nước chư hầu, diệt Trụ vương nhà Ân và lập ra nhà Tây Chu.

Bộ Lục Thao gồm có 6 bộ: Văn thao: dụng nhân-trị quốc, Võ thao: dụng binh, Long thao: tuyển tướng, Hồ thao: quân hình-khí tài. Báo thao: Chiến thuật. ,Khuyến thao: Luyện sĩ

2-Tam Lược của Hoàng Thạch Công là ẩn sĩ thời Tần Hán, còn có tên gọi là Di Thượng lão nhân, Hạ Phi thân nhân, về sau được liệt vào Thần phả trong Đạo giáo. Hoàng Thạch Công gặp Trương Lương ở trên cầu Hạ Bì, liền dùng phương thức đánh rơi giày ba lần để thử nhân cách trước khi trao thiên thư cho Trương Lương. Trương Lương phò Hán Cao tổ diệt nhà Tần và Sở bá vương để lập ra nhà Hán. Tam Lược là những ghi chép ngắn gọn về thuật làm chiến tướng. Nói cách khác đây là phần dành riêng cho những chỉ huy ngoài mặt trận. Sách này gồm:

Thượng lược: tư cách người làm tướng, cách đối xử với thường dân, với tướng dưới quyền và binh sĩ, và thái độ với kẻ địch;

Trung lược: cách dàn xếp quan hệ giữa chiến tướng nơi sa trường và triều đình xa xôi;

Hạ lược: các khía cạnh đạo đức, nghĩa lễ khi hành xử ở đời.

Vì thế người làm Tướng nhất thiết phải thông tường Lục Thao và Tam Lược, tức là phải “có tài thao lược”.

3-Tôn Tử Binh Pháp hay *Binh pháp Ngô Tôn Tử*, là sách chiến lược chiến thuật do Tôn Vũ soạn vào năm 512 TCN thời Xuân Thu. Tôn Tử dâng lên Ngô vương Hạp Lư sách này gồm 13 chương tìm thấy hiện nay là:

Kế sách, Tác chiến, Mưu công, Quân hình, Binh Thế, Hư thực, Quân tranh, Cừu biến, Hành quân, Địa hình, Cừu địa, Hòa công, Dùng gián điệp

Lý luận quan trọng của Tôn Tử là đánh nhanh, thắng nhanh: “Cho nên việc dùng binh tác chiến chỉ nghe nói đánh ào ạt để thắng nhanh chứ chưa từng nghe nói đến việc khéo léo kéo dài để giành thắng lợi. Chiến tranh lâu dài mà có lợi cho quốc gia là việc chưa từng có”.

Lý luận cơ bản của Tôn Tử là lấy nhiều đánh ít. “Phương pháp dùng binh, có binh lực gấp mười lần địch thì bao vây nó, gấp năm lần địch thì tiến công, gấp hai lần địch thì chia cắt (để đánh từng bộ phận địch), có binh lực ngang địch thì có thể chống cự. Binh lực ít hơn địch thì nên tránh xa nó, điều kiện không bằng địch phải tránh giao chiến. Bởi vì một quân đội nhỏ mà liều lĩnh cố đánh sẽ bị kẻ địch lớn mạnh bắt làm tù binh” .

Sách này chứa lời giải thích và phân tích chi tiết về quân đội Trung Quốc, từ

vũ khí và chiến lược đến cấp bậc và kỷ luật. Tôn Tử cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các nhà hoạt động tình báo và gián điệp đối với nỗ lực chiến tranh. Bởi vì Tôn Tử từ lâu đã được coi là một trong những nhà chiến thuật và phân tích quân sự giỏi nhất trong lịch sử, những lời dạy và chiến lược của Tôn tử đã hình thành nên nền tảng của huấn luyện quân sự tiên tiến trong nhiều thế kỷ.

Ngày nay sách này còn dùng trong giới kinh doanh áp dụng trên cạnh tranh thương trường và trong đời sống hàng ngày.

4- Ngô Tử Binh Pháp được soạn ra bởi Ngô Khởi (khoảng 440 - 381 TCN) người nước Vệ là nhà cải cách chính trị, tướng soái quân sự, đồng thời ông cũng là một nhà lý luận quân sự xuất sắc. Ông đã từng làm tướng của nước Lỗ, quận thú quận Tây Hà của nước Ngụy, làm lệnh doãn của nước Sở. Về quân sự, ông nổi tiếng như Tôn Vũ, về chính trị, ông nổi tiếng ngang với Thương Ưởng, nước Tần.

Binh pháp Ngô Khởi là tác phẩm xuất sắc về lý luận quân sự thời Trung Quốc cổ đại. Tuy hiện nay chỉ còn lưu truyền 6 thiên là: Đồ quốc, Liễu địch, Trị binh, Luận tướng, ứng biến và Lệ sĩ nhưng đã phản ánh sâu sắc tư tưởng quân sự thời cổ đại không kém gì “Binh pháp Tôn Tử”. Nội dung của “Binh pháp Ngô Khởi” đề cập đến là:

- Về chiến tranh, Ngô Khởi đã đưa ra một ý kiến đúng đắn là với bất kỳ quốc gia nào cũng “cần trong thì sửa văn đức, ngoài thì lo võ bị”, không thể coi nhẹ mặt nào.

- Về nhân tố cơ bản, Ngô Khởi chỉ rõ: “Đạo là làm cho dân chúng thuận theo ý chí của quốc vương” và phát triển thêm “Trước hết cần giáo dục bách tính, gần gũi muôn dân. Không nên hành động trong bốn tình huống bất hòa: Trong nước không thống nhất ý chí, không thể xuất quân; nội bộ quân đội không đoàn kết, không thể ra trận; khi lâm chiến, trận thế không chỉnh tề, không thể ra đánh; hành động chiến đấu không phối hợp, không thể giành thắng lợi”.

- Về nguyên tắc luyện binh, chọn tướng và chế độ thưởng phạt. Ngô Khởi nhấn mạnh việc huấn luyện kỹ năng chiến đấu cơ bản và ý thức chiến thuật cho binh sĩ; phân công, sử dụng binh sĩ theo đúng sở trường, sở đoản; nêu cao tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh chỉ huy; tầm quan trọng của việc quy định thống nhất tín hiệu chỉ huy, liên lạc... về phẩm chất người làm tướng.

Ngô Khởi viết những người gồm đủ văn võ mới có thể làm tướng. Biết khi cứng khi mềm mới có thể cầm quân tác chiến.

5- Tư Mã Binh Pháp do Điền Nhương Thư còn gọi là Điền Nhương Tư hay Điền Tư Mã là con cháu đời sau của Điền Hoàn soán ngôi vua của họ Khương lập ra nước Tề thời chiến quốc, cho đến lúc lâm chung vẫn chưa trọn vẹn nhưng là một trong những bộ binh thư nổi tiếng về phép trị quốc và dụng binh được hậu thế hoàn thiện với tên gọi "Chiến Luật".

Sách gồm 5 thiên: Nhân bản, Thiên tử, Định tước, Nghiêm vị, Dụng chúng

Nhương Tư giữ nghiêm phép quân, không ngần ngại trừng phạt dù kẻ sai phạm đó quyền lực đến đâu. Ông được vua Tề Cảnh Công phong làm Tướng Đại Tư Mã

(Nguyên soái). Đối với binh sĩ, quan Đại Tư Mã lại thân hành ủy lạo, ai bệnh cho thuốc, ai đói cho ăn, bản thân ông cũng sinh hoạt chan hòa như binh sĩ.

6- Uất Liểu Tử Binh Pháp

Uất Liểu Tử có tên là Liêu là một trong những nhà tiên phong trong sử sách biết vận dụng Quyền lực Kinh tế; kế sách này của ông đã giúp Tần Vương thống nhất thiên hạ sau thời chiến quốc. Năm 237 TCN, ông sang nước Tần du thuyết, được Tần Vương tin dùng phong làm Quốc úy, vì vậy mà gọi là Úy Liêu.

Binh thư Uất Liểu Tử gồm 23 thiên chủ yếu luận bàn nhiều về việc luyện quân, yếu tố tinh thần tướng sĩ và kỷ luật chiến trường hơn là tác chiến.

7- Đường Thái Tông - Lý Vệ Công vấn đối hay Lý Vệ Công binh pháp của Lý Tĩnh căn cứ vào kinh nghiệm thực chiến mà viết binh thư, dưới hình thức là chép lại các cuộc đàm luận giữa ông và Đường Thái Tông và đã trở thành một phần trong Vũ kinh thất thư - bảy cuốn binh pháp có vai trò quan trọng mà mọi tướng lãnh hậu thế đều phải học tập.

Lý Tĩnh là danh tướng thời vua Đường Thái Tông .Ông tinh thông binh pháp, nam chinh bắc chiến, văn võ song toàn, trọn đời trung quân yêu dân, coi việc bình định thiên hạ, diệt trừ bạo loạn là trọng trách của mình, không mưu đồ tư lợi, không tham tiền tài, không sợ quyền thế, quang minh lỗi lạc và đảm nhiệm các chức quan Kiểm giáo trung thư lệnh, Binh bộ thượng thư, Thượng thư hữu bộc xạ (tức là Thừa tướng), được phong là Vệ Quốc Công. Ông biểu tự Dực Sư, là người Thiểm Tây, vốn là quan nhà Tùy, sau về họ Lý nhà Đường. Ông dụng binh liệu sự như thần, trong các hoàn cảnh chiến tranh đều có thể liệu địch biến hoá mà giành được thắng lợi, nên một đời không chiến bại.

Như vậy, tiến sĩ võ không phải là người chỉ giỏi về võ mà còn phải am tường cả về văn, được quan tước và ghi danh bia đá dựng ở Võ Miếu.

Võ Thư Thất Kinh này được dùng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa thuộc Trường Chỉ Huy và Tham Mưu và được các binh gia nghiên cứu những tư tưởng Đông Tây kim cổ.

Nước Việt ta cũng có hai bộ binh pháp nổi tiếng là : Binh thư yếu lược của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Hồ trướng khu cơ của Đào Duy Từ. Nhưng các kinh này không nằm trong chương trình học thi võ cũ thời xưa.

Tham khảo

[1]-Đại Việt sử ký toàn thư , Nxb Khoa học-xã hội,1993

[2]- Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Nxb Giáo dục,2008. [3]-Lê Quý Đôn-

Kiến văn tiểu lục, Nxb Văn hóa -Thông tin [4]-Nguyễn Đình Nhữ, Võ Kinh Thất

Thư,Nxb Công An 1998

Nguyễn Hoạt